

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 102/2018/DS-PT

Ngày 06/12/2018.

V/v: “*Tranh chấp di sản thừa
kế và yêu cầu hủy Giấy chứng
nhận QSDĐ*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hiền;

Ông Nguyễn Gia Lương.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đỗ Đức Sơn.–

Kiểm sát viên.

Ngày 06/12/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2018/TLPT-DS ngày 24/9/2018 về: “*Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSDĐ*”. Do bản án Dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 102/2018/QĐ-PT ngày 10/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2018/QĐ-PT ngày 05/11/2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 33/2018/QĐ-PT ngày 27/11/2018 giữa:

***Nguyên đơn:** Ông Vũ Đắc H - sinh năm 1956, có mặt;

Cư trú: khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn:** Anh Vũ Đức X - sinh năm 1973, vắng mặt.

Cư trú: Phố M, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập nhưng
đều vắng mặt:**

1-Anh Dương Ngọc C1 - sinh năm 1961;

2-Anh Dương Ngọc T - sinh năm 1966;

3-Anh Dương Đình A - sinh năm 1973;

Đều cư trú: Khu Ng, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

4-Chị Dương Thị L - sinh năm 1960;
Cư trú: Xóm Tr, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
5-Chị Dương Thị Kh - sinh năm 1964;
Cư trú: Thôn Ch, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
6-Anh Dương Ngọc T1 - sinh năm 1968;
Nơi cư trú: Số X, ngõ 89/10, phố Nguyễn Ngọc L, phường Kh, quận Thanh X, thành phố Hà Nội.
7-Anh Vũ Đắc Th - sinh năm 1966;
8-Chị Vũ Thị Hồng A1 - sinh năm 1974 –em gái anh X;
Đều cư trú: Khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
9-Bà Nguyễn Thị H1 – sinh năm 1950-Mẹ anh X;
10-Chị Nguyễn Thị Th1– sinh năm 1979-Vợ anh X;
Cư trú: Phố M, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
11-Chị Vũ Thị V - sinh năm 1977- em gái anh X;
Nơi ĐKKHKT: Khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
12-UBND huyện T, tỉnh Bắc Giang - Do ông Đỗ Văn Th2, Phó phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện T đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/11/2017, Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là ông Vũ Đắc H trình bày: Bố mẹ đẻ của ông là cụ Vũ Đắc Th3 (đã chết năm 1962) và cụ Ngô Thị C (đã chết năm 1979) đã sinh được 05 con là: Bà Vũ Thị Ch; ông Vũ Đắc M; ông Vũ Đắc M1; ông Vũ Đắc L và ông là Vũ Đắc H.

- Bà Vũ Thị Ch, (đã chết năm 2002), chồng bà Ch là ông Dương Ngọc M2, (đã chết năm 1977). Vợ chồng bà Ch, ông Minh có 07 con gồm: Chị Dương Thị T2, (đã chết năm 1977), chị Dương Thị L, sinh năm 1960, anh Dương Ngọc C1, sinh năm 1961, chị Dương Thị Kh, sinh năm 1964, anh Dương Ngọc T, sinh năm 1966, anh Dương Ngọc T1, sinh năm 1968, anh Dương Đình A, sinh năm 1973).

- Ông Vũ Đắc M, (là liệt sỹ, chết năm 1971), vợ ông M là bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1945, chết năm 2009. Ông M và bà Ph có 01 con là anh Vũ Đắc Th, sinh năm 1966).

- Ông Vũ Đắc M1, (là liệt sỹ, chết năm 1969), ông M1 chưa có vợ, không có con).

- Ông Vũ Đắc L1, (chết năm 1998), vợ ông L1 là bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1950. Vợ chồng ông L1, bà H1 có 03 con là: anh Vũ Đức X, sinh năm

1972, (có vợ là chị Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1974), chị Vũ Thị Hồng A1, sinh năm 1974, chị Vũ Thị V, sinh năm 1977. Chị V không có chồng, không có con và đã đi Trung Quốc từ năm khoảng 1992, hiện nay không liên lạc với gia đình;

Sau khi cụ Th3 và cụ C chết đã để lại di sản là 470,2m² đất, tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất tại: Khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trên đất có tài sản là nhà, bếp đã bị đổ nát, hiện không còn. Đất này là do cụ Th3, cụ C sử dụng từ năm 1954. Khoảng năm 1957, bà Ch (chị gái ông) đi lấy chồng. Năm 1962, bố ông chết thì mẹ ông cùng các anh trai của ông là ông M, ông M1, ông L1 ở trên đất này. Năm 1967, ông M đi bộ đội chống Mỹ, năm 1966, ông M1 và ông L1 đều đi bộ đội chống Mỹ, ông ở với mẹ và bà Ph (bà Ph là vợ ông M và là chị dâu của ông) ở trên phần đất của ông nội ông (ở cạnh phần đất có diện tích 470,2m² của bố mẹ ông). Năm 1974, ông được đi Liên Xô học công nhân kỹ thuật. Từ năm 1974 đến năm 1979 thì mẹ ông vẫn ở cùng bà Ph (vợ ông M) ở trên phần đất của ông nội ông. Năm 1977, ông về nước và được mẹ ông giao quản lý phần đất có diện tích 470,2m² này. Năm 1979, mẹ ông chết thì ông đã đi công tác tại Nhà máy Thủy điện H. Lúc đó ông đã nhờ vợ chồng ông Vũ Đắc L1, bà Nguyễn Thị H1 trông nom phần đất này giúp ông. Năm 1986, vợ chồng ông L1, bà H1 tự ý xây dựng các tài sản trên đất này gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 có 4 gian xây gạch, lợp ngói mũi, diện tích khoảng 70m², 01 nhà ngang và bếp 02 gian lợp ngói mũi, 01 chuồng lợn 02 gian xây gạch lợp ngói mũi, 01 giếng đào, tường hoa cao 80 cm, dài 25m + sân gạch khoảng 70m² xây dựng vào năm 1986. Ông được ông L1 nói: “Tao mượn đất của mày, khi nào mày về thì anh sẽ mua cho miếng đất khác hoặc chia mỗi anh em một nửa đất”. Năm 1993, vợ chồng ông L1, bà H1 tự ý đi kê khai và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Năm 1998, ông L1 chết thì bà H1 đã quản lý phần đất này. Năm 2006, ông nghỉ hưu, về quê gặp bà H1 và ông đã đề nghị bà H1 trích chia cho ông 1/2 diện tích đất của bố mẹ để lại (phần đất có diện tích 470,2m²) để ông làm nhà thì bà H1 không đồng ý. Năm 2006, bà H1 đã sang tên phần đất này cho con trai và con dâu của bà H1 là anh Vũ Đức X, chị Nguyễn Thị Th1. Hiện nay, vợ chồng anh X và chị Th1 đang quản lý, sử dụng phần đất này và vợ chồng anh X và chị Th1 cũng đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

Nay ông đề nghị Tòa án chia thừa kế đối với phần đất là di sản của cụ Vũ Đắc Th3, cụ Ngô Thị C để lại là 470,2m² đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24, có địa chỉ: Khu Đ, thị trấn C, huyện T.

*** Bị đơn là anh Vũ Đức X trình bày:** Anh là con của ông Vũ Đức L1, bà Nguyễn Thị H1 và là cháu nội của cụ Vũ Đắc Th3 và cụ Ngô Thị C. Ông bà nội anh sinh được 05 người con như ông H đã trình bày là đúng.

Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24, diện tích 470,2 m² khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang mang tên chủ sử dụng hộ ông (bà) Vũ Đức X - Nguyễn Thị Th1 do UBND huyện T cấp theo quyết định số 4220/QĐ-UBND ngày 23/11/2006 là tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng anh. Nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ anh quản lý, sử dụng từ năm 1984. Năm 1991, bố mẹ anh đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Năm 1998, bố anh chết thì mẹ anh tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất này. Năm 2003, mẹ anh đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Năm 2006, mẹ anh đã tặng cho vợ chồng anh thửa đất này và vợ chồng anh đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ ngày 23/11/2006. Anh xác định thửa đất trên là tài sản của bố mẹ anh cho vợ chồng anh chứ không phải là di sản của ông bà nội anh để lại nên anh không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của ông H.

Năm 2017, ông H cũng đã nộp đơn khởi kiện vụ án chia thừa kế đối với phần đất mà vợ chồng anh đang quản lý sử dụng. Khi giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện T thì anh đã đồng ý hỗ trợ 30.000.000đ cho ông H để ông H mua 01 thửa đất khác. Sau khi ông H nhận 30.000.000đ của anh tiền thì ông H đã rút đơn khởi kiện. Ông H cũng đã cam kết với anh là ông H không tranh chấp đối với thửa đất này nữa. Nay, ông H lại nộp đơn khởi kiện lại vụ án này thì anh không nhất trí.

Phần tài sản trên đất do bố mẹ anh xây dựng từ năm 1986 đến năm 2006 thì vợ chồng anh mới quản lý, sử dụng phần đất và tài sản trên đất và vợ chồng anh cũng đã xây dựng thêm tường bao xung quanh, lấp giếng đào và khoan giếng mới; năm 2000 thì vợ chồng anh đã trồng thêm 1 số cây cối và tu sửa nhà trên; năm 2005 thì xây nhà bếp và xây công trình vệ sinh. Việc vợ chồng anh xây dựng các tài sản trên đất hết bao nhiêu tiền thì anh cũng không thể cung cấp được các chứng cứ cho Tòa án.

Khi ông bà nội chết thì vợ chồng bác Minh, bác Phúc là người trực tiếp đứng ra lo mai táng, còn các bác là con trai, con gái của ông bà nội anh đóng góp, còn mọi người đã đóng góp bao nhiêu thì anh không biết. Từ khi bố mẹ của anh quản lý phần đất này thì bố mẹ anh là người có công sức san lấp thềm vũng còn công sức cụ thể của bố mẹ anh như thế nào thì anh không rõ.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị H1 (mẹ anh X), chị Vũ Thị Hồng A1 (em gái anh X), chị Nguyễn Thị Th1 (vợ anh X) do anh Vũ Đức X đại diện theo ủy quyền trình bày:

Chị Vũ Thị V là con của bà Nguyễn Thị H1, chị V đã đi biệt tích khỏi gia đình trong khoảng thời gian năm 1992-1993. Từ đó đến nay chị Vượng cũng không liên lạc với gia đình, gia đình cũng không rõ địa chỉ của chị Vượng ở

đâu? Gia đình cũng không còn lưu giữ giấy tờ gì liên quan đến chị Vượng. Nay, ông Vũ Đắc H đề nghị chia thừa kế đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24, đất có diện tích 470,2m² tại khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang thì bà H1, chị Hồng Anh, chị Th1 đều không đồng ý vì lý do phần đất này là của vợ chồng bà Nguyễn Thị H1, ông Vũ Đắc L1 đã quản lý, sử dụng từ năm 1984 và UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ vợ chồng bà H1, ông L1 từ năm 1991 được. Năm 1998, ông L1 chết thì bà H1 quản lý, sử dụng phần đất này. Năm 2003 bà H1 được cấp đổi Giấy chứng nhận QSDĐ. Năm 2006, bà H1 làm Hợp đồng tặng cho phần đất này cho vợ chồng anh Vũ Đức X, chị Nguyễn Thị Th1. Nay phần đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng anh X, chị Th1.

***Chị Dương Thị L, anh Dương Ngọc C, chị Dương Thị Kh, anh Dương Ngọc T, anh Dương Ngọc T1, anh Dương Đình A đều** và là con của bà Vũ Thị Ch, ông Dương Ngọc M2 (là cháu ngoại của cụ Vũ Đắc Th3, cụ Ngô Thị C); anh Vũ Đắc Th là con ông Vũ Đắc M, bà Nguyễn Thị Ph (cháu nội của cụ Vũ Đắc Th3, cụ Ngô Thị C) đều trình bày:

Phần đất có diện tích là 470,2m² tại thửa số 25, tờ bản đồ số 24, có địa chỉ thửa đất tại: Khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang có nguồn gốc do ông bà của các anh chị là cụ Th3, cụ C mua từ năm 1955 và 2 cụ đã làm 03 gian nhà lợp gia để ở. Năm 1962, cụ Th3 chết thì cụ C chuyển vào đất trong của bố mẹ cụ Th3 để ở, còn thửa đất có diện tích 470,2m² thì dùng để làm vườn trồng cây ăn quả. Năm 1984, vợ chồng ông Vũ Đắc L1, bà Nguyễn Thị H1 làm nhà trên đất này của cụ Th3, cụ C để ở. Khoảng năm 1991, 1992 hộ gia đình ông L1 đã tự kê khai và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Năm 1998, ông L1 chết. Năm 2006, bà H1 đã làm thủ tục tặng cho QSDĐ cho con trai và con dâu bà H1 là anh Vũ Đức X, chị Nguyễn Thị Th1 đối với phần đất này. Năm 2006, ông Vũ Đắc H đã đề nghị chia thừa kế phần đất 470,2m² mà cụ Th3, cụ C để lại. Khi họp gia đình, ông H đã đưa ra nội dung đề nghị bà H1 chia cho ông H một phần đất để ông H làm nhà nhưng bà H1 không đồng ý. Do cụ Th3 chết từ năm 1962, cụ C chết từ năm 1979, đối chiếu quy định của pháp luật thì thời hiệu chia thừa kế của cụ Th3 và cụ C đã hết nên buổi họp gia đình về nội dung này đã không thành. Năm 2014, gia đình ông H đã chuyển về quê để ở, khi đó ông H đã gặp bà H1 và anh X đề nghị cho ông H 01 phần đất để ông H xây nhà nhưng bà H1 và anh X vẫn không đồng ý. Các anh chị đều khẳng định thửa đất này là di sản thừa kế của cụ Th3 và cụ C chưa được phân chia. Nay, các anh chị cũng không đề nghị gì về quyền lợi.

*** UBND huyện T do ông Đỗ Văn Th2- Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24, diện tích 470,2 m² (bản đồ địa chính thị trấn C đo đạc năm 2000) đang xảy ra tranh chấp giữa ông Vũ Đắc H và anh Vũ Đắc X. Phần đất này theo ông H khai là có nguồn gốc là đất của cụ Vũ Đắc Th3 và cụ Nguyễn Thị C sử dụng từ những năm 1956. Cụ Th3 chết năm 1962, cụ C chết năm 1979, sau khi cụ Th3 và cụ C chết thì thửa đất trên không có ai quản lý, sử dụng. Đến năm 1984, hộ ông Vũ Đắc L1 và bà Nguyễn Thị H1 đến ở trên thửa đất này và đã trồng cây. Trong quá trình sử dụng hộ ông L1 đã xây nhà ở, đào ao và xây dựng các công trình phụ và đã sử dụng phần đất này từ đó đến nay.

Tại Bản đồ tại xã C cũ (nay là thị trấn C) năm 1990,, thửa đất của hộ ông L1 sử dụng được thể hiện tại thửa 664, tờ bản đồ số 6, diện tích 452m². Năm 1991, hộ ông L1 được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với thửa đất trên. Năm 1998, ông L1 chết. Năm 2000, đo đạc bản đồ địa chính tại thị trấn C thửa đất của hộ ông L1 trước kia được thể hiện tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24, diện tích 470,2m². Năm 2003, thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ sau đo đạc bản đồ, thửa đất này được bà Nguyễn Thị H1 (vợ ông L1) đứng tên trong Giấy chứng nhận QSDĐ (theo Quyết định số 151/QĐ-CT, ngày 31/12/2003 của UBND huyện T). Năm 2006, bà H1 đã lập Hợp đồng tặng cho QSDĐ đối với toàn bộ thửa đất này cho con trai và con dâu bà H1 là anh Vũ Đức X và chị Nguyễn Thị Th1 (vợ anh X). Ngày 23/11/2006, hộ anh X được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với thửa đất trên.

Kiểm tra sổ mục kê và sổ “Đất thổ cư xã C năm 1983”, tại thời điểm này thì phần đất tranh chấp này là Đội 20, xã C (nay là khu Đ, thị trấn C) không có tên trong sổ theo dõi.

Kiểm tra sổ mục kê và sổ đăng ký cấp Giấy chứng nhận QSDĐ xã C năm 1991 thì thửa đất số 664, tờ bản đồ số 06 có tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn Luân (tức Vũ Đắc L1), diện tích cấp Giấy chứng nhận QSDĐ là 452m² (đất ở 300m², đất cây lâu năm 152m²).

Kiểm tra sổ mục kê và sổ đăng ký cấp Giấy chứng nhận QSDĐ thị trấn C năm 2000 thì thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24 có tên chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị H1 (vợ ông L1), diện tích được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ là 470,2m² (đất ở 300m², đất cây lâu năm là 170,2m²).

Theo khoản 2, mục II của Quyết định số 201-QĐ/ĐKTK, ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý đất đai quy định về việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đã quy định: “ Người sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận QSD đất khi diện tích đất đang sử dụng được thể hiện đầy đủ trên bản đồ địa chính và được ghi vào sổ địa chính”. Đối chiếu với Luật Đất đai năm 1987 và các quy định đã nêu trên thì việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông L1 năm 1991 của UBND huyện T

được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc cấp đổi Giấy chứng nhận QSDĐ từ ông L1 sang bà H1 năm 2003 cũng được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính xã C, thị trấn C qua các thời kỳ thì thửa đất đang có tranh chấp (trước kia là thửa đất số 664, tờ bản đồ số 06 nay là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24) được thể hiện là của hộ ông Vũ Đắc L1 (vợ là bà Nguyễn Thị H1) được sử dụng ổn định từ năm 1984 đến nay. Năm 2006, bà Nguyễn Thị H1 tặng cho QSDĐ đối với thửa đất này cho con trai và con dâu là anh Vũ Đắc Xuân, chị Nguyễn Thị Th1. Việc bà H1 tặng cho con trai và con dâu phần đất của bà H1 là đúng quy định tại Điều 106, Luật đất đai năm 2003. Việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho anh Vũ Đắc Xuân và chị Nguyễn Thị Th1 của UBND huyện T năm 2006 cũng là đúng quy định của pháp luật.

* Chị Vũ Thị V là con bà H1 và ông L1 đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có lời khai tại Tòa án.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang đã áp dụng Điều 95; Điều 100; Điều 166; Điều 167 Luật đất đai; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 650; khoản 1, khoản 2 Điều 651; Điều 652; khoản 1, khoản 3 Điều 658; khoản 2 Điều 660 của BLDS; khoản 5 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 01 Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 02 Điều 219; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của BLTTDS; Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; phần I Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số: 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 01 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Đắc H về chia di sản thừa kế là phần đất có diện tích 470,2 m², thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24, địa chỉ tại: Khu Đ, thị trấn C, huyện T theo 04 phần bằng nhau bằng hiện vật cho 4 người gồm:

Ông Vũ Đắc H;

Các con của bà Vũ Thị Ch (đã chết) gồm: Chị Dương Thị L, anh Dương Ngọc C, chị Dương Thị Kh, anh Dương Ngọc T, anh Dương Ngọc T1, anh Dương Đình A;

Con ông Vũ Đắc M (đã chết) là anh Vũ Đắc Th;

Vợ và con ông Vũ Đắc L1 (đã chết) gồm: Bà Nguyễn Thị H1, anh Vũ Đức X, chị Vũ Thị Hồng A1, chị Vũ Thị V

(có sơ đồ đất kèm theo).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đắc H về việc đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG 812935 do UBND huyện T cấp ngày 23/11/2006 mang tên hộ anh Vũ Đức X, chị Nguyễn Thị Th1.

3. Phán án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí cho ông Vũ Đắc H theo điểm đ khoản 01 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

4. Phán chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Ông Vũ Đắc H phải chịu số tiền nộp tạm ứng chi phí thẩm định, định giá là 4.016.000 đồng. Xác nhận anh Vũ Đắc H đã nộp đủ tiền chi phí thẩm định, định giá.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 09/8/2018, ông Vũ Đức Hùng kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn là ông Vũ Đắc H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Ông Vũ Đắc H trình bày: Ông không đồng ý về việc bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông. Phần đất đang tranh chấp là của bố mẹ ông để lại. Điều này được các cháu bên nội và bên ngoại thừa nhận. Một số người làm chứng cao tuổi trong khu Đ, thị trấn C như ông Ngô Văn Ch5, bà Ngô Thị Th5, ông Ngô Văn D cũng đã xác nhận cho ông phần đất do vợ chồng anh X đang quản lý, sử dụng là của bố mẹ ông để lại. Nay, Tòa án cấp sơ thẩm lại cho rằng phần đất này không phải di sản thừa kế của cụ Th3 và cụ C để lại là không đúng. Việc ông L1 đã tự ý sử dụng phần đất của bố mẹ để lại và tự kê khai đứng tên trong Giấy chứng nhận QSDĐ năm 1991 thì ông không biết. Sau khi ông L1 chết thì năm 2003 bà H1 đã đứng tên phần đất này trong Giấy chứng nhận QSDĐ. Năm 2006, ông và các thành viên trong gia đình đã họp, ông đã đề nghị được chia 1 phần đất do bố mẹ để lại nhưng bà H1 không nhất trí. Năm 2017, ông đã khởi kiện đề nghị chia thừa kế tại Tòa án nhân dân huyện T, anh X cũng đồng ý hỗ trợ ông 30 triệu đồng để ông mua 1 lô đất khác thì ông đã nhất trí và rút đơn về. Nhưng nay ông thấy việc ông nhận số tiền trên của anh X thì quyền lợi của ông vẫn không được đảm bảo nên ông đã làm đơn khởi kiện lại vụ án. Hiện nay ông cũng đã có đất ở nên ông chỉ đề nghị anh X phải trích chia cho ông bằng tiền tương ứng với $\frac{1}{4}$ giá trị của thửa đất của bố mẹ ông để lại. Ông xác định bà H1 và anh X có công sức tôn tạo, quản lý di sản là phần đất của bố mẹ ông để lại. Ông đồng ý trích chia cho Hoan và anh X công sức tôn tạo, quản

lý di sản tương ứng với phần đất có diện tích 17m². Đối với số tiền 30 triệu đồng mà ông đã nhận của anh X thì ông cũng đồng ý sẽ khấu trừ cho anh X sau khi ông được nhận kỹ phần thừa kế của bố mẹ ông để lại.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp kháng cáo của ông Vũ Đắc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Cụ Vũ Đắc Th3 (đã chết năm 1962) và cụ Ngô Thị C (đã chết năm 1979) đã sinh được 05 con là: Bà Vũ Thị Chúc; ông Vũ Đắc Minh; ông Vũ Đắc Mẫn; ông Vũ Đắc L1,; ông Vũ Đắc H.

- Bà Vũ Thị Ch (đã chết năm 2002), chồng bà Ch là ông Dương Ngọc M2, (đã chết năm 1977). Vợ chồng bà Ch, ông M2 có 07 con gồm: Chị Dương Thị T2, (đã chết năm 1977), chị Dương Thị L, sinh năm 1960, anh Dương Ngọc C, sinh năm 1961, chị Dương Thị Kh, sinh năm 1964, anh Dương Ngọc T, sinh năm 1966, anh Dương Ngọc T1, sinh năm 1968, anh Dương Đình A, sinh năm 1973).

- Ông Vũ Đắc M, (là liệt sỹ năm 1971), vợ ông M là bà Nguyễn Thị Ph, (đã chết năm 2009). Ông M và bà Ph có 01 con là anh Vũ Đắc Th, sinh năm 1966.

- Ông Vũ Đắc M1, sinh năm 1948 (là liệt sỹ năm 1969), ông M1 chưa có vợ, không có con).

- Ông Vũ Đắc L1, sinh năm 1950 (chết năm 1998), vợ ông L1 là bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1950. Vợ chồng ông L1 có 03 con là: anh Vũ Đức X, sinh năm 1972, (vợ anh X là chị Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1974), chị Vũ Thị Hồng A1, sinh năm 1974, chị Vũ Thị V, sinh năm 1977. Chị V không có chồng, không có con và đã đi Trung Quốc từ năm khoảng 1992, hiện nay không liên lạc với gia đình.

Theo ông H đã trình bày: Sau khi cụ Th3 và cụ C chết có để lại di sản là 470,2m² đất, tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24, tại khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tài sản trên đất gồm có: 01 nhà ở; 01 bếp nhưng hiện nay các tài sản này đã bị đổ nát, không còn. Phần đất này được cụ Th3 và cụ C sử dụng từ năm 1954. Khoảng năm 1957, bà Ch đi lấy chồng; Năm 1962, cụ Th3 chết thì

cụ C ở cùng ông M, ông M1, ông L1 và ông H ở trên đất này. Năm 1967, ông M đi bộ đội chống Mỹ; năm 1966, ông M1 và ông L1 đi bộ đội chống Mỹ, ông H ở với cụ C và bà Ph (vợ ông M) ở trên phần đất của ông bà nội ở cạnh phần đất có diện tích 470,2m² đó nhưng phần đất này vẫn do cụ C quản lý. Năm 1974, ông H đi Liên Xô học công nhân kỹ thuật. Từ sau năm 1974 đến năm 1979 thì cụ C và bà Ph vẫn ở trên phần đất của ông nội. Năm 1977, ông H về nước và được cụ C giao quản lý phần đất tranh chấp này. Năm 1979, cụ C chết thì ông H đã đi công tác tại Nhà máy Thủy điện H. Ông H đã nhờ vợ chồng ông Vũ Đắc L1, bà Nguyễn Thị H1 trông nom giúp phần đất này. Sau đó, vợ chồng ông L1, bà H1 tự ý xây dựng các công trình trên đất. Ông L1 đã nói với ông H là: “Tao mượn đất của mày, khi nào mày về thì anh mua cho miếng đất khác hoặc chia mỗi anh em một nửa đất”. Năm 1993, vợ chồng ông L1, bà H1 tự ý đi kê khai và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Năm 1998, ông L1 chết thì bà H1 quản lý đất tranh chấp nói trên. Đến năm 2006, ông H nghỉ hưu và về quê sinh sống, ông H đã xin bà H1 ½ diện tích 470,2m² đất để làm nhà thì bà H1 không đồng ý. Khoảng năm 2007, bà H1 tự ý sang tên cho con trai và con dâu của bà H1 là anh Vũ Đức X, chị Nguyễn Thị Th1 quản lý, sử dụng 470,2m² đất này. Vợ chồng anh X và chị Th1 đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

Nay, ông H đề nghị chia thừa kế của cụ Th3 và cụ C để lại là phần đất có diện tích 470,2m².

Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông H. Sau khi xét xử, ông H làm đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đã xử vì lý do bản án sơ thẩm đã nhận định phần đất tranh chấp do vợ chồng anh X, chị Th1 không phải của cụ Th3 và cụ C để lại.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo ông H trình bày: Nguồn gốc của phần đất có diện tích 470,2m² đất Khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang là của cụ Th3 và cụ C để lại.

Qua kiểm tra trong sổ mục kê và sổ “Đất thổ cư xã C năm 1983”, tại thời điểm này thì phần đất tranh chấp này là Đội 20, xã C (nay là khu Đ, thị trấn C) không có tên cụ C và cụ Th3 trong sổ theo dõi.

Kiểm tra sổ mục kê và sổ đăng ký cấp Giấy chứng nhận QSDĐ xã C năm 1991 thì thửa đất số 664, tờ bản đồ số 06 có tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn Luân (tức Vũ Đắc L1), diện tích cấp Giấy chứng nhận QSDĐ là 452m² (đất ở 300m², đất cây lâu năm 152m²).

Ngày 31/12/2003, UBND huyện T cấp đổi Giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Nguyễn Thị H1 (vợ ông L1) do ông L1 chết; năm 2006, bà H1 làm thủ tục tặng cho con trai và con dâu là vợ chồng anh Vũ Đức Xuân và chị Nguyễn Thị Th1.

Ngày 23/11/2006, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho anh X và chị Th1.

Mặc dù, phần đất tranh chấp này không được cụ Th3 và cụ C đứng tên trong sổ mục kê, sổ địa chính của UBND xã C, (nay là Thị trấn C); Bị đơn là vợ chồng anh Vũ Đắc Xuân, chị Nguyễn Thị Th1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1 (là vợ của ông Vũ Đắc L1) cũng không thừa nhận phần đất này là của cụ Th3 và cụ C để lại.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Dương Thị L, anh Dương Ngọc C, chị Dương Thị Kh, anh Dương Ngọc T, anh Dương Ngọc T1, anh Dương Đình A đều và là con của bà Vũ Thị Ch, ông Dương Ngọc M2 (là cháu ngoại của cụ Th3 và cụ C); anh Vũ Đắc Th là con ông Vũ Đắc M, bà Nguyễn Thị Ph (cháu nội của cụ Th3 và cụ C) đều trình bày:

Diện tích đất 470,2m², thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất tại: Khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang có nguồn gốc do ông bà của các anh chị là cụ Th3, cụ C mua năm 1955 và làm 03 gian nhà lợp gia để ở. Năm 1962, cụ Th3 chết thì cụ C chuyển vào đất của bố mẹ các cụ để ở, thửa đất 470,2m² làm đất vườn trồng cây ăn quả. Cụ C chết năm 1979, năm 1984, ông Vũ Đắc L1, bà Nguyễn Thị H1 làm nhà trên đất này của cụ Th3, cụ C để ở. Khoảng năm 1991, 1992 hộ gia đình ông L1 kê khai và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Đến năm 1998, ông L1 chết. Năm 2006, bà H1 làm thủ tục tặng cho QSDĐ cho con là anh Vũ Đức X, chị Nguyễn Thị Th1. Năm 2006, ông Vũ Đắc H đã đề nghị chia thừa kế phần đất 470,2m² mà cụ Th3, cụ C để lại. Khi họp gia đình, ông H đưa ra nội dung đề nghị xin gia đình bà H1 một phần đất để làm nhà ở nhưng không được bà H1 đồng ý. Đối chiếu quy định của pháp luật thì thời hiệu chia thừa kế của cụ Th3 và cụ C đã hết nên buổi họp gia đình không thành. Năm 2014, ông H đã chuyển về quê và đã gặp bà H1 và anh X xin bà H1 và anh một phần đất để xây nhà nhưng bà H1, anh X không cho. Các anh chị đều khẳng định thửa đất này là di sản thừa kế của cụ Th3 và cụ C để lại nhưng chưa được phân chia. Nay, các anh chị đều không đề nghị gì về quyền lợi.

Tại Biên bản xác định tài sản chung ngày 10/01/2016, các cháu nội và cháu ngoại của cụ Th3 và cụ C đều thừa nhận: Khi cụ Th3 và cụ C chết có để lại di sản là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24, có diện tích đất là 470,2m² tại khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang, (BL 15,16);

Như vậy, phần đất do vợ chồng anh X đang quản lý đều được đều được các cháu nội và cháu ngoại của cụ Th3 và cụ C thừa nhận là của cụ Th3 và cụ C để lại.

Ông H còn trình bày: Ngoài các cháu nội, cháu ngoại của cụ Th3 và cụ C thì còn có 1 số người là hàng xóm của ông H đã biết rõ về nguồn gốc của thửa đất này.

Tại “Giấy đề nghị xác nhận” ngày 17/3/2015 do ông H xuất trình cho Tòa án có nội dung: “Ông H là con của cụ Th3 và cụ C. Khi cụ Th3 và cụ C chết đã để lại phần đất có diện tích 470,2m²”. Một số người cư trú tại khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang (gồm bà Ngô Thị Th5, ông Ngô Văn D, ông Ngô Văn Ch5) đã ký xác nhận và đã thể hiện quan điểm: “Nhất trí với những nội dung mà ông H đã trình bày”, (BL 54).

Qua xác minh tại UBND xã C ngày 04/12/2018, ông Vũ Đắc V1 là Phó chủ tịch và bà Đặng Thị L5 là công chức địa chính UBND xã C đã cho Tòa án biết: Sau khi tra cứu hồ sơ còn lưu tại UBND xã thì ngày 05/3/1990, ông Vũ Đắc L1 đã có Đơn đăng ký QSDĐ gửi UBND tỉnh Hà Bắc có nội dung: Đề nghị UBND tỉnh Hà Bắc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình đối với thửa đất số 664, tờ bản đồ số 6, xứ đồng số 4, diện tích đất là 452m²;

Kèm theo Biên bản xác minh, UBND xã C đã cung cấp cho Tòa án “Đơn xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận QSDĐ” của ông Vũ Đắc L1 ngày 05/3/1990 đã ghi rõ: “Nguồn gốc của thửa đất số 664, tờ bản đồ số 6, xứ đồng số 4, diện tích đất là 452m² là của cha ông để lại”.

Theo khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013 đã quy định về điều kiện thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất như sau:

- a) Có Giấy chứng nhận, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 186 và trường hợp nhận thừa kế quy định tại khoản 1 Điều 168 của Luật này;
- b) Đất không có tranh chấp;
- c) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;
- d) Trong thời hạn sử dụng đất...”.

Tại khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai đã quy định: “Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất khi có Giấy chứng nhận. Đối với trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp thì người sử dụng đất được thực hiện quyền sau khi có quyết định giao đất, cho thuê đất; trường hợp nhận thừa kế quyền sử dụng đất thì người sử dụng đất được thực hiện quyền khi có Giấy chứng nhận hoặc đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

Như vậy, theo hướng dẫn đã nêu ở trên thì nếu có căn cứ xác định phần đất tranh chấp này là của cụ Th3 và cụ C để lại, mặc dù đất không có các giấy tờ mang tên của cụ C và cụ Th3 trước khi cụ C và cụ Th3 chết (các giấy tờ quy

định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013) thì cũng phải xác định QSDĐ đối với phần đất này là di sản thừa kế của của cụ Th3 và cụ C, các đồng thừa kế có quyền đề nghị được phân chia.

Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác minh thu thập chứng cứ về những vấn đề này mà đã nhận định: “Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24, có diện tích đất 470,2m², địa chỉ tại khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang không phải của cụ Th3 và cụ C sử dụng lúc còn sống là chưa có căn cứ vững chắc, từ đó bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông H là không đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2017, anh X đã trình bày: Từ khi bố mẹ của anh quản lý phần đất này thì bố mẹ anh là người có công sức san lấp thung vùng còn công sức cụ thể của bố mẹ anh như thế nào thì anh không rõ, (BL 200-202);

Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét tới nguồn gốc đất và không hỏi rõ bà H1 về việc vợ chồng ông L1, bà H1 đã có công sức tôn tạo, duy trì và phát triển đối với phần đất này từ khi ông L1, bà H1 bắt đầu quản lý, sử dụng như thế nào?

Tòa án cấp sơ thẩm cũng không hỏi rõ về việc vợ chồng anh X, chị Th1 có công sức tôn tạo, duy trì và phát triển đối với phần đất này từ khi vợ chồng anh X được bà H1 cho quản lý, sử dụng như thế nào? Nếu phải chia di sản thừa kế đối với phần đất này thì bà H1 và anh X có yêu cầu gì về việc trích chia công sức tôn tạo, duy trì và phát triển đối với phần đất này hay không? Trước khi cụ C và cụ Th3 chết thì cụ C và cụ Th3 có để lại về nghĩa vụ gì về tài sản hay không?

Do cấp sơ thẩm đã không thu thập chứng cứ đầy đủ và Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Để thực hiện 2 cấp xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy cần hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Do hủy án nên các đương sự chưa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308 BLTTĐ chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Đắc H:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang về việc chia di sản thừa kế giữa: Nguyên đơn là ông Vũ Đắc H và Bị đơn là anh Vũ Đắc X;

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Các đương sự chưa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Vũ Đắc H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Thị Minh Hiền

Hùng là luật sư Nguyễn Đình Huân có ý kiến trình bày:

Ông Vũ Đắc Th3 -sinh năm 1913, chết ngày 24/12/1962 dương lịch, bà Ngô Thị C -sinh năm 1914, chết ngày 19/5/1979 dương lịch, là thời điểm thừa kế được mở. Đề nghị Tòa án giải quyết xác định di sản của ông Vũ Đắc Th3, bà Ngô Thị C là: Diện tích 470,2 m² tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất tại: Khu Đ, thị trấn C, huyện T mang tên ông Vũ Đức X, bà Nguyễn Thị Th1. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Vũ Đắc Th3, bà Ngô Thị C gồm: Chị Vũ Thị Chúc- chết năm 2002, chồng là Dương Ngọc Minh, chết năm 1977, có các con gồm: Dương Thị Lý, Dương Ngọc Công, Dương Thị Khanh, Dương Ngọc Tuấn, Dương Ngọc Tú, Dương Đình Anh; Anh Vũ Đắc Minh, sinh năm 1944(là liệt sỹ, chết năm 1971, anh Minh có vợ là Nguyễn Thị Phúc, sinh năm 1945, chết năm 2009 và 01 con ruột là Vũ Đắc Thanh; Anh Vũ Đắc Mẫn, sinh năm 1948 (là liệt sỹ, chết năm 1969, anh Mẫn chưa có vợ, không có con nào); Anh Vũ Đắc L1, sinh năm 1950 (chết năm 1998), có vợ Nguyễn Thị H1, anh Luân có 03 con là: Vũ Đức X, Vũ Thị Hồng Anh, Vũ Thị Vượng. Anh Luân có con dâu là Nguyễn Thị Th1, (vợ cháu Vũ Đức X); Anh Vũ Đắc H. Do ông Vũ Đắc Th3, bà Ngô Thị C chết không để lại di chúc, di sản chưa chia, nguồn gốc 470,2 m² đất do ông Thuyết, bà Canh để lại có từ năm 1954 và được bên nội thừa nhận. Nên giữ nguyên yêu cầu chia thừa kế 470,2m², tài sản trên đất không yêu cầu chia, đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo pháp luật là diện tích 470,2 m² cho: Anh Vũ Đắc H; các con chị Vũ Thị Chúc gồm: Dương Thị Lý, Dương Ngọc Công, Dương Thị Khanh, Dương Ngọc Tuấn, Dương Ngọc Tú, Dương Đình Anh; Con anh Vũ Đắc Minh là Vũ Đắc Thanh; vợ và con anh Vũ Đắc L1 là chị Nguyễn Thị H1, anh Vũ Đức X, chị Vũ Thị Hồng Anh, chị Vũ Thị Vượng làm 04 kỷ phần bằng nhau là 117,5m². Đề nghị chia cho anh Vũ Đắc H được hưởng hiện vật là 117,5m² trong thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất tại: Khu Đ, thị trấn C, huyện T.

***Người làm chứng:**

1-Bà Ngô Thị Thoan–sinh năm 1945

2-Ông Ngô Văn Dần –sinh năm 1948

3-Ông Ngô Văn Chữ - sinh năm 1940 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Điều cư trú: khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

